

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PĂH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST

Ngày: 09/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Mạnh Dũng;

2. Ông Trịnh Văn Tuyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký TAND huyện Chư Păh, Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Tô Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/HSST-QĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, Thông báo thay đổi ngày giờ xét xử số 01/TB-TA ngày 01/4/2024 đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc H, sinh ngày: 12/6/1977 tại Hà Tĩnh; Nơi thường trú: 390/2/4 C, tổ A, phường H, TP., tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh B (đã chết) và bà Trần Thị P (đã chết). Bị cáo có chồng là Phạm Quốc Đ, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và có 02 người con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. Có mặt

- *Bị hại:* Ông Y Y, sinh năm 1968 và bà Rơ Châm P1, sinh năm 1972. Cùng trú tại: Làng I, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị Ái M, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ I, phường Y, Tp., Gia Lai. Vắng mặt

2. Ông Phạm Quốc Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ A, phường H, Tp., tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Hẻm C đường P, phường T, Tp., tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962. Địa chỉ: A P, phường H, Tp., tỉnh Gia Lai. (Có đơn xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1978. Địa chỉ: A C, phường Y, Tp ., tỉnh Gia Lai.
(Có đơn xét xử vắng mặt)

2. Bà Bùi Thị Diệu H2, sinh năm 1974. Địa chỉ: B N, tổ H, thị trấn Đ, huyện Đ,
tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- *Người phiên dịch:* Bà Rơ Châm U, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn
P, huyện C, Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tháng 8 năm 2020, vì cần vay số tiền 50.000.000 đồng nên ông Y Y và vợ là bà Rơ Châm P1 do có quen biết từ trước với Trần Thị Ngọc H nên có nhờ H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Y Y để H vay ngân hàng hộ cho ông Y Y số tiền 50.000.000 đồng, H đồng ý. Sau đó ông Y Y đưa cho H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 970840 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 23/10/2019 của hai thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 tại làng I, Chư Đàng Y, C, Gia Lai. Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Y Y, H viết cho ông Y Y 02 giấy ủy quyền thỏa thuận về việc ông Y Y ủy quyền cho H đứng tên 02 thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 để H đứng ra vay ngân hàng giúp ông Y số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn ủy quyền là 05 năm. Sau khi thỏa thuận với ông Y Y, thì H đã đưa trước cho ông Y Y số tiền 19.000.000 đồng. Tuy nhiên vì thời điểm đó H bị mất giấy chứng minh nhân dân nên H nhờ bà Nguyễn Thị Phương L (sinh năm 1977 trú phường T, TP ., Gia Lai là bạn của H) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 970840 của ông Y Y để vay giúp tiền ngân hàng (việc H nhờ bà L và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Y Y, bà Rơ Châm P1 sang cho bà L thì H không thông báo cho ông Y Y và bà Rơ Châm P1 biết). Ngày 02/02/2021, ông Y Y và bà Rơ Châm P1 đã đến Văn phòng công chứng Đặng Minh K tại phường Y, TP . để chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 tại làng I, Chư Đàng Y, Chư P2 cho bà Nguyễn Thị Phương L (ông Y Y và bà Rơ Châm P1 nghĩ là làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho H theo thỏa thuận nên đã ký vào thủ tục sang nhượng). Sau khi nhận chuyển nhượng đất, vì biết thửa đất là của ông Y đang canh tác nên gia đình bà L không đồng ý cho bà L vay ngân hàng giúp H. Vì vậy, ngày 12/3/2021 bà L chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 tại làng I, Chư Đàng Y, Chư P2 lại cho Trần Thị Ngọc H. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà L thì H không thực hiện thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất của hai thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 tại làng I, Chư Đàng Y, C để vay tiền giúp ông Y Y. Thời điểm này, do H nợ bà Ngô Thị Ái M (sinh năm: 1962, trú tại tổ I, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 300.000.000 đồng nên Trần Thị Ngọc H đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 tại làng I, Chư Đàng Y, Chư P2 cho bà Ngô Thị Ái M để cầm trừ nợ (việc H chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai thửa đất 263, 265 trên cho bà M thì H không báo cho ông Y Y, bà Rơ Châm P1 biết). Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên, bà M làm thủ tục vay vốn ngân hàng nhưng không được vì xảy ra tranh chấp với gia đình ông Y Y. Ngày 25/10/2021, bà M làm

đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G. Ngày 25/10/2021, ông Y Y làm đơn tố giác Trần Thị Ngọc H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 bản gốc viết tay giấy hợp đồng thỏa thuận cho đứng tên bì đờ vay tiền Ngân hàng giữa ông Y Y, bà Rơ Châm P1 cho bà Trần Thị Ngọc H đề ngày 25/8/2020 với nội dung: “Tôi tên Y Y vợ Rơ Châm P1 thường trú tại làng Y, xã C, C, Gia Lai. Hôm nay ngày 25.8.2020 đồng ý ủy quyền cho cô Trần Thị Ngọc H đứng tên bì đờ thế chấp ngân hàng với số tiền 50.000.000. năm mươi triệu đồng chẵn. Hàng tháng tôi trả lãi suất ngân hàng đến khi tôi có đủ số tiền 50.000.000 năm mươi triệu đồng tôi sẽ đưa trả ngân hàng và cô Hà h lại tôi số đờ mang tên Y Y và Rơ Châm P1. Tôi đã đồng ý thỏa thuận không tranh chấp đất đai. Pleiku ngày 25/8/2020 bên chủ bì đờ cho mượn bên đứng tên vay” có chữ ký, chữ viết Trần Thị Ngọc H.

- 01 bản gốc viết tay giấy ủy quyền vay ngân hàng giữa vợ chồng ông Y Y bà Rơ Châm P1 cho bà Trần Thị Ngọc H với nội dung: “Tôi tên Y G, cmnd 230555481, Rơ Châm P1, cmnd: 231114081, địa chỉ: làng I, xã C, C, Gia Lai. Hai vợ chồng tôi nhờ cô Trần Thị Ngọc H đứng tên vay hộ tiền ngân hàng trên thửa đất số 230 tờ bản đồ số 32. diện tích 1881.3 m² và 2069.3 m³ với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng chẵn) với thời hạn 5 năm. Khi gia đình tôi hoàn trả số tiền trên thì cô Trần Thị Ngọc H trả lại thửa đất với diện tích như trên. Nếu hai bên có gì sai trái ngoài giấy cam kết trên thì xin chịu hoàn toàn trách nhiệm”. Giấy có chữ ký chữ viết tên Trần Thị Ngọc H dưới “Bên đứng vay hộ”.

Tại kết luận giám định số 583/KLGD ngày 07/09/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh G đã kết luận: Chữ viết, chữ ký trên “Giấy ủy quyền vay ngân hàng”, “Giấy hợp đồng thỏa thuận cho đứng tên trên bì đờ vay tiền ngân hàng” so với chữ viết, chữ ký của Trần Thị Ngọc H trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27 ngày 15/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận:

- Tổng giá trị của 350 cây cà phê: 30.000.000 đồng. Tổng giá trị của 02 căn nhà: 144.693.000 đồng. Tổng giá trị của hai thửa đất 263, 265 theo giá thị trường là 285.195.200 đồng (trong đó giá trị thửa đất số 263 theo giá thị trường là 127.928.400 đồng; giá trị thửa đất số 265 theo giá thị trường là 157.266.800 đồng)

- Tổng giá trị tài sản của 02 thửa đất 263, 265 là: 459.888.200 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 27 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc H về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Trần Thị Ngọc H từ 06 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản gì, đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Trần Thị Ngọc H đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Y Y, bà Rơ Châm P1 số tiền 8.600.000 đồng nhưng ông Y Y, bà Rơ Châm P1 không đồng

ý nhận số tiền trên và yêu cầu bị cáo phải trả lại quyền sử dụng đất thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 cho gia đình ông bà. Do đó trả cho bị cáo số tiền này.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo đã chuyển nhượng cho bà Ngô Thị Ái M để cản trừ nợ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp đổi thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 640763 và số CY 640762 cho bà Ngô Thị Ái M. Xét thấy việc bị cáo vay nợ của bà M là không có bảo đảm, việc bị cáo dùng tài sản là quyền sử dụng đất của gia đình ông Y để cản trừ nợ cho bà M là vi phạm pháp luật. Căn cứ vào Điều 122, Điều 123 của Bộ luật dân sự thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo H với bà M là vô hiệu. Ông Y Y và bà Rơ Châm P1 có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Buộc bà Ngô Thị Ái M phải trả lại cho ông Y Y, bà Rơ Châm P1 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 640763 và số CY 640762 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 23/10/2019. Khi bản án có hiệu lực pháp luật bà M không trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Y Y, bà Rơ Châm P1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Đối với khoản nợ giữa bị cáo Trần Thị Ngọc H và bà Ngô Thị Ái M, quá trình điều tra bị cáo H thừa nhận bị cáo chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của gia đình ông Y Y cho bà Ngô Thị Ái M nhằm mục đích cản trừ số nợ 300.000.000 đồng còn bà M khai nhận bị cáo chuyển nhượng thửa đất của ông Y Y cho bà M với số tiền 570.000.000 đồng nhưng bà M chưa cung cấp các giấy tờ vay nợ giữa bà M và bà H cho cơ quan điều tra, hiện nay bà M không có mặt tại địa phương. Xét thấy việc vay nợ, cản nợ giữa bà M và bị cáo H không liên quan đến vụ án này nên bà M có quyền khởi kiện đòi nợ bị cáo Trần Thị Ngọc H trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Ngọc H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, thống nhất bản luận tội của Đại diện viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do có mối quan hệ quen biết và nhu cầu vay vốn để làm ăn, khoảng tháng 8/2020 ông Y Y và bà Rơ Châm P1 có nhờ bị cáo H đứng ra vay hộ số tiền 50.000.000 đồng, ông Y Y, bà P1 đồng ý thỏa thuận để bị cáo đứng tên tài sản là 02 thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 tại làng I, xã C, huyện C để bị cáo đứng ra vay ngân hàng và thế chấp 02 tài

sản trên với thời hạn 05 năm, khi gia đình ông Y hoàn trả số tiền trên thì bị cáo trả lại 02 thửa đất trên cho gia đình ông Y. Tuy nhiên, sau khi gia đình ông Y làm thủ tục sang nhượng đất cho bị cáo, bị cáo không thực hiện theo thỏa thuận thế chấp 02 quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng dùng cho gia đình ông Y mà bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của ông Y bằng hình thức chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho bà Ngô Thị Ái M để cản trở nợ trước đó. Tại kết luận định giá tài sản kết luận tổng giá trị của 02 thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 tại làng I, xã C, huyện C và tài sản trên đất là 459.888.200 đồng. Hành vi trên của bị cáo Trần Thị Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc H3 về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo đã lợi dụng sự tín nhiệm của bị hại nhờ bị cáo đứng tên tài sản của mình để vay tiền ngân hàng, nhưng bị cáo đã chiếm đoạt quyền sử dụng đất của bị hại bằng cách chuyển nhượng cho người khác để cản trở nợ. Do đó, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Y Y, bà Rơ Châm P1 số tiền 8.600.000 đồng để hỗ trợ quá trình giải quyết vụ án cho gia đình ông Y Y, nên được hưởng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Đối với số tiền 19.000.000 đồng bị cáo H3 đưa cho ông Y sau khi ông Y thỏa thuận cho bị cáo đứng tên 02 thửa đất để vay ngân hàng, đây là tiền của bị cáo không phải do phạm tội mà có nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu ông Y phải trả lại cho bị cáo số tiền này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra bị cáo H3 đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Y Y, bà Rơ Châm P1 số tiền 8.600.000 đồng, tuy nhiên gia đình ông Y Y không đồng ý nhận, yêu cầu bị cáo trả lại tài sản là 02 quyền sử dụng đất trên, do đó trả lại cho bị cáo số tiền này.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 970840 thửa đất số 263, 265 tờ bản đồ số 32 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 23/10/2019 cho ông Y Y và bà Rơ Châm P1. Sau khi thỏa thuận bị cáo H3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng dùng cho gia đình ông Y Y, bị cáo không thực hiện mà đã chuyển nhượng 02 thửa đất này cho bà Ngô Thị Ái M để cản trở nợ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp đổi thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 640763 và số CY 640762 cho bà Ngô Thị Ái M. Xét việc vay mượn tiền giữa bị cáo

với bà M là không có bảo đảm, việc bị cáo tự lấy quyền sử dụng đất của ông Y Y và bà Rơ Châm P1 mang đi cần trừ nợ là vi phạm pháp luật. Căn cứ Điều 122, Điều 123 của Bộ luật dân sự thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo H3 và bà M là vô hiệu. Do đó, Cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 640763 và số CY 640762 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cùng ngày 04/5/2021, để cấp lại cho ông Y Y và bà Rơ Châm P1. Ông Y Y và bà Rơ Châm P1 có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Còn khoản nợ giữa bị cáo H3 và bà M không liên quan đến vụ án, bà M có quyền khởi kiện đòi nợ bị cáo H3 trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với ông Phạm Quốc Đ là chồng của bị cáo Trần Thị Ngọc H, khi H làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 263, 265 tờ bản đồ số 32 tại làng I, Chư Đàng Y, C thì ông Đ có cùng H ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị Ái M. Tuy nhiên, ông Đ không biết Trần Thị Ngọc H chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tài sản của ông Y Y, bà Rơ Châm P1; ông Đ cũng không biết thửa đất mà H chuyển nhượng là thửa đất của ông Y Y, bà Rơ Châm P1, vì thời điểm đó ông Đ và H đang sống ly thân nên ông Đ chỉ ký tên vào hợp đồng theo yêu cầu của H, ông Đ cũng không được lợi ích gì từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của H nên không có căn cứ để xử lý đối với ông Phạm Quốc Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Trần Thị Ngọc H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 24/4/2023.

Về dân sự: Căn cứ Điều 194 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Thị Ngọc H không yêu cầu Ông Y Y và bà Rơ Châm P1 phải trả lại cho bị cáo số tiền 19.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 122, Điều 123 của Bộ luật dân sự. Điều 106 Luật đất đai.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 002235 quyền số 09/VP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2021 tại Văn phòng C giữa ông Phạm Quốc Đ, bị cáo Trần Thị Ngọc H với bà Ngô Thị Ái M1 vô hiệu.

Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 640763 và số CY 640762 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cùng ngày 04/5/2021 đứng tên Ngô Thị Ái M.

Ông Y Y và bà Rơ Châm P1 có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 970840 cấp ngày 23/10/2019 theo quy định pháp luật.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị Ngọc H số tiền 8.600.000 đồng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/12/2023 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- CA h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- Bị cáo;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hòa